**UBND HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS TRẦN HÀO**

TỔ SỬ-ĐỊA- GDCD-TIẾNG ANH

**PHỤ LỤC I**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

 **MÔN SỦ-ĐỊA-GDCD**

 ***Phú Hòa, ngày 27 tháng 8 năm 2024***

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS TRẦN HÀO** **TỔ: SỬ-ĐỊA-GDCD-ANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ,GDCD KHỐI LỚP 6** (Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình:**

**1. Số lớp:** 05**; Số học sinh:**  179 **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:0**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**08; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng:01. Đại học:04; Trên đại học:1

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:01; Khá: 07 ; Đạt: ; Chưa đạt:

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Các loại bản đồ (Sử-Địa) |  bộ sử+ bộĐịa | Dạy cho các bài học+TH lớp 6(CTST) | Nhà trường |
| 2 | Máy casec | 04 | Dạy cho các bài học+TH lớp 6 | Nhà trường |
| 3 | Laptop | 08 | Dạy khối 6 | Cá nhân |
| 4 | Tranh ảnh | Tập | Dạy khối 6 | Nhà trường |
|  5 | Bảng phụ |  |  | Cá nhân |
| 6 | Quả địa cầu |  |  | Nhà trường |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng bộ môn | 01 | Hoạt động ngoại khóa cho các lớp |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

1. **Phân phối chương trình**

**\*Phân phối chương trình: (Phân môn sử 6)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học****(1)** | **Số tiết/TCT****(2)** | **Thời điểm****(3)** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?(3 TIẾT)** |
| 2 | Bài 1. Lịch sử là gì? | 2/1,2 | Tuần 1,2 | * Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
* Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
* Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử.

Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). |
| 3 | Bài 2. Thời gian trong lịch sử |  1/3 | Tuần 3 | - Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,... |
| 4 | **CHƯƠNG 2: THỜI KÌ NGUYÊN THỦY (5 TIẾT+1 TIẾT KIỂM TRA )** |
| 5 | Bài 3. Nguồn gốc loài người | 1/4 | Tuần 4 | * Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.
* Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á.

Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. |
| 6 | Bài 4. Xã hội nguyên thủy | 2/5,6 | Tuần 5,6 | * Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.
* Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...).
* Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.
 |
| 7 | Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp | 2/7,8 | Tuần 7,8 | * Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.
* Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
* Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.
* Nêu và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông.

-Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã. |
| 8 | **Kiểm tra giữa kỳ I(+Địa lý)** | 1/9  | Tuần 9 | Những nội dung cơ bản đến thời điểm kiểm tra |
| 9 | **CHƯƠNG 3: XÃ HỘI CỔ ĐẠI (11 TIẾT+ 1 TIẾT ÔN TẬP+ 1 TIẾT KIỂM TRA)** |
| 10 | Bài 6. Ai Cập cổ đại | 2/10,11 | Tuần 10,11 | * Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập
* Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập.

Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập. |
| 11 | Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại | 1/ 12 | Tuần 12 | * Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Lưỡng Hà.
* Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Lưỡng Hà.

Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Lưỡng Hà. |
| 12 | Bài 8. Ấn Độ cổ đại | 2/13,14 | Tuần 13,14 | * Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.
* Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ.

-Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. |
| 13 | Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 2/15,16 | Tuần 15,16 | * Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.

-Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thuỷ Hoàng.* Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tuỳ.

-Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |
| 14 | **Ôn tập**  | 1/17 | Tuần 17 | * Những nội dung cơ bản đến thời điểm ôn tập
 |
| 15 | **Kiểm tra cuối kỳ I(+Địa)** | 1/18 | Tuần 18 | Những nội dung cơ bản đến thời điểm kiểm tra |
| **HỌC KÌ II** |
| 16 | Bài 10. Hy Lạp cổ đại | 2/19, 20 | Tuần 19 | * Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp.
* Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp.

-Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp. |
| 17 | Bài 11. La Mã cổ đại | 2/21,22 | Tuần 20 | * Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã.
* Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở La Mã.

-Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của La Mã. |
| 18 | **CHƯƠNG 4: ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X****( 4TIẾT)** |
| 19 | Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X | 2/24,25 | Tuần 21 | * Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.
* Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.

Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. |
| 20 | Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X | 2/25,26 | Tuần 22 | -Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 21 | **CHƯƠNG 5: VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ X****(23 TIẾT +1 KIỂM TRA GIỮA KÌ+ 1 ÔN TẬP + 1 KIỂM TRA CUỐI KÌ )** |
| 22 | Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc | 3/27, 28, 29 | Tuần 23,24 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.* Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.
 |
| 23 | Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc | 2/30,31 | Tuần 24, 25 | -Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. |
| 24 | Bài 16. Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kì Bắc thuộc | 3/32,33,34 | Tuần 25,26 | -Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.* Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.
 |
| 25 | **Kiểm tra giữa** **kỳ II (+phân môn Địa)** | 1/35 | Tuần 27 | Những nội dung cơ bản học kì 2 |
| 26 | Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc | 2/36,37 | Tuần 27,28 | Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 27 | Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập trước thế kỉ X | 5/38,39,40,41,42 | Tuần 28,29,30 | Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). |
| 28 | Bài 19. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X | 2/43,44 | Tuần 31 | * Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.

-Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. -Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. |
| 29 | Bài 20. Vương quốc Champa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 3/45,46,47 | Tuần 32, 33 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa.- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. |
| 30 | Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam | 3/48,49,50 | Tuần 33, 34 | - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.-Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.-Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. |
| 31 | **Ôn tập** | 1/51 | Tuần 35 | Những nội dung cơ bản học kì 2 |
| 32 | **Kiểm tra cuối kỳ II(+phân môn Địa** | 1/52 | Tuần 35 | Những nội dung cơ bản học kì 2 |

**\* Phân phối chương trình Địa Lý 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| 1 | Bài mở đầu. Tại sao cần học Địa lí | 1 | - Hiểu được tầm qua trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà môn địa lí mang lại.- Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách qua về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. |
| 2 | **CHƯƠNG 1. BẢN ĐỔ-PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỂ MẶT TRÁI ĐẤT** Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến và Tọa độ địa lí | 2 | - Biết được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và toạ độđịa lí, kinh độ, vĩ độ.- Hiểu và phân biệt được sự khác nhau giữa kinh tuyến và vĩ tuyến, giữa kinh độ vàkinh tuyến, giữa vĩ độ và vĩ tuyến.- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới |
| 3 | Bài 2. Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng | 2 | - Nêu được khái niệm kí hiệu bản đồ, ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.- Kể tên được các loại kí hiệu bản đồ.- Biết được các loại kí hiệu, chú giải biểu đồ. |
| 4 | Bài 3. Tìm đường đi trên bản đổ | 1 | -Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.- Biết tìm đường đi trên bản đồ, tìm đường đi ngoài thực địa |
| 5 | Bài 4. Lược đồ trí nhớ | 1 | Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với học sinh. |
| 6 | Ôn tập chương 1 | 1 |  |
| 7 | **CHƯƠNG 2: TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI**Bài 5. Vị trí Trái Đất trong hệ MặtTrời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất. | 1 | - Biết được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời: vị trí, tương quan với các hành tỉnh khác.- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. |
| 8 | Bài 6: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. | 2 | - Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất trên mô hình quả địa cầu.- Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quaỵ quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vục), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiểu kinh tuyến. |
| 9 | Bài 7: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 2 | - Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: hướng, thời gian.- Mô tả được hiện tượng mùa: mùa ở các vùng vĩ độ và các bán cầu.- Trình bày được hiện tượng ngày đêm đài ngắn theo mùa và theo vĩ độ. |
| 10 | Bài 8: Xác định phương hướng ngoài thực tế. | 1 | Xác định ddược phương hướng ngoài thục tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. |
| 11 | Ôn tập giữa học kì I | 1 |  |
| 12 | ***Kiểm tra giữa học kì I(+phân môn Sử)*** | 1 | Đề kiểm tra |
| 13 | Trả bài kiểm tra giữa học kì I | 1 |  |
| 14 | **CHƯƠNG 3: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT**Bài 9. Cấu tạo của Trái Đất. Động đất và núi lửa. | 2 | - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất.- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra |
| 15 | Bài 10. Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản. | 2 | - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.- Phân biệt được các dạng địa hình chính trênTrái Đất.- Khái niệm khoảng sản, mỏ khoáng sản.- Kể được tên một số loại khoáng sản.- Giá trị của các loại khoáng sản. |
| 16 | Bài 11: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. | 1 | - Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.- Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. |
| 17 | **CHƯƠNG 4: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**Bài 12: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió trên Trái Đất | 2 | - Hiểu đuợc vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic trong khí quyển.- Mô tả được các tầng khi quyển, đặc điểm chính của tầng đổi lưu và tầng bình lưu.- Kể dược tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.- Trình bày được sự phàn bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.- Biết cách sử dụng khi áp kế.- Có ý thúc bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn. |
| 18 | Bài 13: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 2 | - Nguồn cung cấp của nhiệt độ không khí.- Thiết bị đo nhiệt độ không khí.- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.- Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.- Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.- Phân biệt thời tiết và khí hậu.-Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu. |
| 19 | Bài 14. Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu | 2 | - Nêu được nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả, giải pháp của biến đổi khí hậu.- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| 20 | Bài 15. Thực hành về nhiệt độ và lượng mưa | 1 | - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.- Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. |
| 21 | **CHƯƠNG 5: NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT**Bài 16. Thuỷ quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngẩm, băng hà | 2 | - Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.- Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước. |
| 22 | Bài 17: Sông và hồ.  | 2 | - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. |
| 23 | Ôn tập học kì I | 1 |  |
| 24 | ***Kiểm tra học kì I(+phân môn Sử)*** | 1 | Đề kiểm tra |
| 25 | Trả bài kiểm tra học kì I | 1 | Bài kiểm tra đã chấm |
| 26 | Bài 18: Biển và đại dương | 2 | - Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.- Trình bày được các hiện tuợng sóng, thuỷ triều, dòng biển. |
| 27 | **CHƯƠNG 6: ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT**Bài 19. Lớp đất và các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình | 2 | - Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.- Đặc điểm của các tầng đất. - Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.- Kể được tên một số nhóm đất điển hình trên thế giới.- Xác định được trên bản đồ một số nhóm đất ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới. |
| 28 | Bài 20. Sinh vật và sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới. | 2 | - Nêu được ví dụ vể sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.- Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. |
| 29 | Bài 21.Thực hành tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 1 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.- Quan sát, ghi chép để hoàn thành tốt bài báo cáo của cá nhân, của nhóm.- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. |
| 30 | **Ôn tập giữa kì II** | 1 |  |
| 31 | **Kiểm tra giữa kì II(+phân môn sử)** | 1 | Đề kiểm tra |
| 32 | **CHƯƠNG 7: CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN**Bài 22. Dân số và phân bố dân cư | 2 | - Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điềm phân bố dân cư trên thế giới.- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. |
|  | Bài 23. Con người và thiên nhiên | 2 | - Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.- Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất.- Trình bày được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên mà các em có thể làm được. |
|  | Bài 24. Thực hành tác động của con người đến thiên nhiên | 1 |  |
|  | **Ôn tập cuối kì II** | 1 |  |
|  | ***Kiểm tra cuối kì II(+phân môn Sử)*** | 1 | Đề kiểm tra |
|  | **Trả bài kiểm tra cuối kì II** | 1 | Bài kiểm tra đã chấm |

 \***Phân phối chương trình GDCD 6**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | ***Bài 1: Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ*** | 1-3 | **1. Về kiến thức** - Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ.- Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. - Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.**2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ. *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao các trị truyền thống tốt đẹp. **3. Về phẩm chất :***Yêu nước*: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. *Nhân ái:* Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ, ...và các thế hệ đi trước đã xây dựng. *Trách nhiệm*: Có có ý thức tìm hiểu, tham gia các hoạt động của gia đình dòng họ, quan tâm đến các công việc của gia đình. |
| 2 | ***Bài 2: Yêu thương con người*** | 4-6 | **1. Về kiến thức:** - Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. - Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người. - Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình yêu thương của người khác. - Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người. **2. Về năng lực:** *Năng lực điều chỉnh hành* vi: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hộ*i: Tích cực tham gia các hoạt động nhằm góp phần vào việc lan tỏa các giá trị về tình yêu thương con người. **3. Về phẩm chất**: *Yêu nước*: Có ý thức tìm hiểu các giá trị, phẩm chất của yêu thương con người của người Việt Nam. *Chăm chỉ:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. *Trách nhiệm:* Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống yêu thương con người. |
| 3 | ***Bài 3: Siêng năng, kiên trì*** | 7,8,10 | **1. Về kiến thức:** -Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.- Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. **2. Về năng lực:** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản .*Năng lực phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày. **3. Về phẩm chất:** *Chăm chỉ:* Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.*Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. *Trách nhiệm*: Tích cực tham gia các hoạt động tập thể. |
| 4 | ***Kiểm tra giữa kỳ I*** | 9 | **1. Về kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nẩy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập. **3. Về phẩm chất:** *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. *Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |
| 5 | ***Bài 4: Tôn trọng sự thật.*** | 11-12 | **1. Về kiến thức** - Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. - Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống. *Năng lực phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện. **3. Về phẩm chất** *Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân. *Trách nhiệm*: thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu. |
| 6 | ***Bài 5: Tự lập*** | 13-15 | **1. Về kiến thức** - Nêu được khái niệm tự lập. - Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. - Hiểu vì sao phải tự lập. - Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. - Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng, không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác. **2. Về năng lực***Năng lực điều chỉnh hành vi*: Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân. *Năng lực phát triển bản thân*: Hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện của bản thân mình *Năng lực tự chủ và tự học*: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. **3. Về phẩm chất** *Chăm chỉ:* Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức. |
| 7 | ***Bài 6: Tự nhận thức bản thân*** | 16,17,19 | **1. Về kiến thức** - Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. - Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. - Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân.- Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống; *Năng lực phát triển bản thân*: lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân *Năng lực tự chủ và tự học*: Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.**3. Về phẩm chất** *Chăm chỉ*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân; *Trách nhiệm*: Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện |
| 8 | ***Kiểm tra cuối kỳ I*** | 18 | **1. Về kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. *Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập. **3. Về phẩm chất:** *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. *Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |
| 9 | ***Bài 7: Ứng phó với tình huống nguy hiểm*** | 20-22 | **1. Về kiến thức** - Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm đối với trẻ em. - Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm. - Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm để đảm bảo an toàn. **2. Về năng lực**  *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi.  *Năng lực phát triển bản thân:* Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống.  *Năng lực tự chủ và tự học:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống.  *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. **3. Về phẩm chất**  *Chăm chỉ:* Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. *Trách nhiệm:* Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại, phá hoại thiên nhiên. |
| 10 | ***Bài 8: Tiết kiệm*** | 23,24,26 | **1. Về kiến thức** - Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...). Hiểu vì sao phải tiết kiệm. - Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. - Phê phán những biểu hiện lãng phí.**2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh, tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước, bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.*Năng lực phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra. *Năng lực tự chủ và tự học:* - Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống, không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, hiểu được vai trò của tiết kiệm. *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: - Lập được kế hoạch chi tiêu hợp lý của bản thân, từng bước hiểu và coi trọng tiền bạc một cách hợp lý, biết cách quản lý tiền bạc của bản thân một cách phù hợp. **3. Về phẩm chất** *Chăm chỉ:* Có ý thức tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.*Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tiết kiệm của công, trân trọng những giá trị vật chất do mình và mọi người tạo ra. *Trách nhiệm:* Có thói quen chi tiêu và sử dụng hợp lí tiết kiệm tiền bạc và của cải vật chất của mình và mọi người. |
| 11 | ***Kiểm tra giữa kỳ II*** | 25 | **1. Về kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học. - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.*Năng lực phát triển bản thân:* Tự nhận thức đánh giá bản thân, lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập. **3. Về phẩm chất** *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.*Trách nhiệm:* Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |
| 12 | ***Bài 9: Công dân nước*** ***cộng hòa XHCN Việt Nam*** | 27,28 | **1. Về kiến thức** - Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. *Năng lực phát triển bản thân*: Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan pháp luật, kĩ năng sống. Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. *Năng lực tự chủ và tự học:* Hiểu biết về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân q, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng. *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các huống trong đời sống. **3. Về phẩm chất** *Yêu nước:* Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. *Nhân ái:* tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực.*Trung thực:* Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống. |
| 13 | ***Bài 10: Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam*** | 29,30 | **1. Về kiến thức** - Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. - Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành* *vi:* Nhận biết được quy định của pháp luật phổ thông, về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác. *Năng lực phát triển bản thân*: Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi. *Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*: Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. **3. Về phẩm chất** *Yêu nước:* Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt. *Nhân ái:* Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạn. *Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác. |
| 14 | ***Bài 11: Quyền cơ bản của trẻ em*** | 31,32 | **1.Về kiến thức**- Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thựchiện quyền trẻ em.- Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. *Năng lực phát triển bản thân:* Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình.**3. Về phẩm chất** *Yêu nước*: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.*Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử. |
| 15 | ***Bài 12: Thực hiện quyền trẻ em*** | 33,34 | **1. Về kiến thức** - Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em. - Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. - Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. *Năng lực phát triển bản thân*: Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình. **3. Về phẩm chất** *Yêu nước:* Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.*Trung thực:* Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử. |
| 16 | ***Kiểm tra cuối kỳ II*** | 35 | **1. Về kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. **2. Về năng lực** *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề này sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập.**3. Về phẩm chất**: *Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp.*Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra. |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| ***Môn Sử-Địa*** |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | HS lĩnh hội được kiến thức:Sử:bài 1-🡪Bài 5Địa:bài 1🡪bài 8 | Viết trên giấy(TN+TL) |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | HS lĩnh hội được kiến thức:Sử:bài 1-🡪Bài 9Địa:bài 1-🡪bài 17 | Viết trên giấy(TN+TL) |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | HS lĩnh hội được kiến thức:Sử:bài 10🡪Bài 16Địa:bài 17-🡪bài 21 | Viết trên giấy(TN+TL) |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | HS lĩnh hội được kiến thức:Sử:bài 10🡪Bài 21Địa:bài 17-🡪bài 24 | Viết trên giấy(TN+TL). |
| ***Môn GDCD*** |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | HS lĩnh hội được kiến thức từ bài 1 đến bài 3 | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | HS lĩnh hội được kiến thức từ bài 1 đến bài 6 | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 25 | HS lĩnh hội được kiến thức từ bài 7 đến bài 8 | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | HS lĩnh hội được kiến thức từ bài 7 đến bài 12 | Viết |

**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 1351/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Sở GDĐT*)

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7**

**A-Phần Lịch sử**

(Năm học 2024 - 2025)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 5**; Số học sinh:** 196**;**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 2; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 2

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[3]](#footnote-3):** Tốt: 0; Khá: 2;

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn Lịch sử 7)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Lược đồ | Theo chủ đề |  |  |
| 2 | Tranh ảnh | Theo chủ đề |  |
| 3 | Máy chiếu | 1 |  |  |
| 4 | Máy tính | 1 |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Lớp 7A | 1 |  |  |
| 2 | Lớp 7B | 1 |  |  |
| 3 | Lớp 7C | 1 |  |  |
| 4 | Lớp 7D | 1 |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[4]](#footnote-4)**

1. **Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | **Bài** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I** |
| 1 | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu.  | **3 tiết****1,2,3** | **1. Kiến thức**- Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Châu Âu, cơ cấu xã hội bao gồm 2 giai cấp cơ bản (lãnh chúa và nông nô).- Hiểu khái niệm lãnh địa phong kiến và đặc trưng của nền kinh tế lãnh địa.- Hiểu thành thi trung đại xuất hiện như thế nào?- Kinh tế trong thành thị khác với kinh tế lãnh địa ra sao?**2. Năng lực**- Năng lực: Hợp tác nhóm, tự học, ngôn ngữ, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích, thể hiện chính kiến của mình...- Biết sử dụng bản đồ Châu Âu để xác định vị trí các quốc gia phong kiến - Biết tận dụng phương pháp so sánh đối chiếu để thấy rõ sự chuyển biến từ xã hội CHNL sang XHPK.**3. Phẩm chất**- Tin vào sự phát triển hợp quy luật của xã hội loài người từ CHNL sang XHPK.- Có ý thức đấu tranh chống chế độ pk áp bức bóc lột |
|  2 | Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí  | **2 tiết****4,5** | **1. Kiến thức** - Nguyên nhân và hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí như là một trong những yếu tố cơ bản tạo tiền đề cho sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. - Quá trình hình thành sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến Châu Âu.**2. Năng lực**- Năng lực: Tự học, sáng tạo, tái hiện sự kiện lịch sử, so sánh,phân tích…- Phẩm chất: Trân trọng những giá trị đã đạt được của con người - Rèn luyện kĩ năng quan sát bản đồ, chỉ được các hướng đi trên biển của các nhà thám hiểm trong các cuộc phát kiến địa lí. - Biết khai thác tranh ảnh lịch sử.**3. Phẩm chất**- Thấy được tính tất yếu, tính quy luật của quá trình phát triển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa ở Châu Âu. |
| 3 | Bài 3: Phong trào Văn hóa Phục hưng và cải cách tôn giáo.  | **3 tiết****6,7,8** | **1. Kiến thức**- Nắm được nguyên nhân xuất hiện và nội dung tư tưởng của phong trào văn hoá phục hưng.- Nguyên nhân dẫn đến phong trào cải cách tôn giáo và những tác động trực tiếp của phong trào này đến xã hội phong kiến Châu Âu lúc bấy giờ.**2. Năng lực**- Năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích và rút ra bài học lịch sử…- Biết cách phân tích cơ cấu giai cấp để chỉ ra những >< xã hội tư đó thấy được nguyên nhân sâu xa của cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.**3. Phẩm chất**- Tôn trọng những giá trị văn hóa của nhân loại, có ý thức chống áp bức bóc lột đối với chế độ phong kiến |
| 4 | Bài 4: Trung quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX. | **3 tiết****9,10,11** | **1. Kiến thức** - Tên gọi và thứ tự của các triều đại phong kiến Trung Quốc,  - Tổ chức bộ máy chính quyền PK- Những đặc diểm kinh tế, văn hoá của xã hội phong kiến Trung Quốc, **2. Năng lực** - Năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích…- Lập bảng niên biểu các triều đại phong kiến TQ.- Biết vận dụng tư duy để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu về văn hoá, từ đó rút ra bài học lịch sử**3. Phẩm chất**- Phẩm chất: Tôn trọng những giá trị văn hóa của nhân dân Trung Quốc, có tinh thần quốc tế chân chính vì hòa bình xã hội loài người- Có tinh thần giao lưu, học hỏi, trung thực |
| 5 | Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. | **2 tiết****12,13** | **1. Kiến thức** - Tên gọi và thứ tự của các triều đại phong kiến Trung Quốc,  - Tổ chức bộ máy chính quyền PK- Những đặc diểm kinh tế, văn hoá của xã hội phong kiến Trung Quốc, **2. Năng lực** - Năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích…- Lập bảng niên biểu các triều đại phong kiến TQ.- Biết vận dụng tư duy để phân tích và hiểu giá trị của các chính sách xã hội của mỗi triều đại cùng những thành tựu về văn hoá, từ đó rút ra bài học lịch sử**3. Phẩm chất**- Phẩm chất: Tôn trọng những giá trị văn hóa của nhân dân Trung Quốc, có tinh thần quốc tế chân chính vì hòa bình xã hội loài người- Có tinh thần giao lưu, học hỏi, trung thực |
| 6 | Bài 6: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau TK X đến nửa đầu TK XVI. | **2 tiết****14,15** | **1. Kiến thức**- Hiểu tên gọi các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, những đặc điểm tương đồng về vị trí địa lí của các quốc gia đó.- Các giai đoạn phát triển quan trọng của lịch sử khu vực Đông Nam Á, Lào, CPC.**2. Năng lực** - Năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích… - Nhận thức được quá trình lịch sử, sự gắn bó lâu đời của các dân tộc ở khu vực Đông Nam Á, Lào, CPC.- Trong lịch sử Đông Nam Á cũng có nhiều thành tựu đóng góp cho văn hoá nhân loại, sự gắn bó của 3 nước Đông Dương.- Lập niên biểu các giai đoạn phá triển chủ yếu của lịch sử khu vực Đông Nam Á.- Biết xác định vị trí các quốc gia cổ Đông Nam Á và quốc gia phong kiến Đông Nam Á.**3. Phẩm chất** - Phẩm chất: Tôn trọng những giá trị văn hóa của nhân dân trong khu vực và trên thế giới |
| 7 | **Ôn tập giữa kì I** | **1 tiết****16** | **1. Kiến thức**- Củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm |
| 8 | **Kiểm tra giữa kì I** | **2 tiết****17,18** | **1. Kiến thức**- Kiểm tra kiến thức đã học**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| 9 | Bài 7: Vương quốc Lào. | **2 tiết****19,20** | 1. **Kiến thức**
* Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào
* Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của vương quốc Lào thời Lan Xang
* Nếu được một số nét tiêu biểu về văn hóa của Vương quốc Lào

**2. Năng lực** - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực chuyên biệt+ Lập được trụn thời gian cá sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Lào+ Khai thác và sử dụng được thông tin tỏng bài học dưới sự hướng dẫn của GV**3. Phẩm chất**- Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu dài của các dân tộc ở Đông Nam Á- Trân trọng giữu gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Lào |
| 10 | Bài 8: Vương quốc Cam-pu-chia. | **2 tiết****21,22** | **1. Kiến thức****2. Năng lực** - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề. - Năng lực chuyên biệt+ Lập được trục thời gian cá sự kiện tiêu biểu về quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam-pu-chia+ Khai thác và sử dụng được thông tin tỏng bài học dưới sự hướng dẫn của GV**3. Phẩm chất**- Nhận thức được quá trình phát triển lịch sử, tính chất tương đồng và sự gắn bó lâu dài của các dân tộc ở Đông Nam Á- Trân trọng giữu gìn truyền thống đoàn kết giữa Việt Nam với Cam-pu-chia |
| 11 | Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939-967). | **1 tiết****23** | **1. Kiến thức**- Hiểu rõ việc Ngô Quyền xây dựng nền độc lập tự chủ.- Đánh giá công lao của Ngô Quyền**2. Năng lực**- Năng lực: thảo luận nhóm, ngôn ngữ, quan sát, tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích…- Rèn luyện kĩ năng lập biểu đồ, sử dụng bản đồ **3. Phẩm chất**- Ghi nhớ công ơn của Ngô Quyền giành quyền tự chủ mở ra thời kì độc lập lâu dài cho đất nước ta.- Tôn trọng và ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc và có tinh thần yêu nước. |
| 12 | Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968-1009).  | **3 tiết****24,25,26** | **1. Kiến thức**- Giúp học sinh hiểu lịch sử dân tộc các triều đại Đinh - Tiền Lê - Nắm được những thành tựu kinh tế, văn hóa tiêu biểu của các thời kỳ và những nét chính về tình hình xã hội. - Giúp học sinh trình bày, lý giải, so sánh được tình hình nước ta từ buổi đầu xây dựng nền độc lập. Sự phát triển của lịch sử dân tộc về xã hội và chống giặc ngoại xâm thời Đinh - Tiền Lê **2. Năng lực**- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, tái hiện các kiến thức lịch sử cơ bản.- Rèn luyện kỹ năng khái quát sự kiện, tìm ra những điểm chính, biết thống kê các sự kiện có hệ thống - Lý giải, so sánh, nhận xét, các sự kiện lịch sử thời Đinh - Tiền Lê **3. Phẩm chất** - Có tinh thần yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc.- Có thái độ trân trọng đối với các di sản văn hóa lịch sử thế giới và nền văn hóa dân tộc  |
| 13 | Ôn tập cuối kì I | **1 tiết****27** | **1. Kiến thức**- Củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| 14 | Bài 11. Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225). | **3 tiết****28,29,30** | **1. Kiến thức** - Các chính sách của nhà Lý để xây dựng đất nước, dời đô về Thăng Long, đặt tên nước Đại Việt, chia lại khu vực hành chính, tổ chức bộ máy chính quyền trung ương và địa phương- xây dựng luật phát, xây dựng quân đội...**2. Năng lực** - Năng lực: tự học, sáng tạo, ngôn ngữ, quan sát, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích…- Phân tích và nêu các ý nghĩa, các chính sách xây dựng và bảo vệ đất nước của nhà Lý.**3. Phẩm chất**- Có lòng tự hào và tình thần yêu nước.- Có ý thức tìm hiểu về pháp luật nhà nước hiểu được pháp luật là cơ sở cho việc xây dựng và bảo vệ đất nước.- Tôn trọng, có lòng tự hào và tình thần yêu nước. Biết ơn đối với các anh hùng dân tộc |
| 15 | Bài 12. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075-1077). | **2 tiết****31,32** | **1. Kiến thức**- Âm mưu xâm lược nước ta của nhà Tống là nhằm bành trướng lãnh thổ đồng thời để giải quyết những khó khăn về tài chính và xã hội.- Cuộc tiến công tập kích song đất Tống của Lý Thường Kiệt là hành động tự vệ chính đáng.**2. Năng lực** - Năng lực: tự học, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tái hiện sự kiện, so sánh, phân tích…- Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ để tường thuật cuộc kháng chiến.- Phân tích nhận xét nhân vật, đánh giá các sự kiện lịch sử...**3. Phẩm chất**- Giáo dục học sinh lòng tự hào dân tộc, biết ơn người anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt.- Bồi dưỡng lòng dũng cảm, nhân ái, tình đoàn kết dân tộc. |
| 16 | Bài 13. Đại Việt thời Trần (1226-1400). | **4 tiết****33,34,35,36** | **1. Kiến thức**- Sự thành lập và bộ máy chính quyền thời Trần, chính sách đối với quân đội thời Trần, những điểm chính của bộ luật Quốc triều hình luật. - Sự hát triển kinh tế - văn hoá thời Trần- So sánh với thời trước để chứng minh dưới thời Trần có sự phát triển mạng về quan chế, quân đội, luật pháp, văn hoá,...**2. Năng lực**  **-** Hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, ngôn ngữ, tìm hiểu xã hội...- Rèn kĩ năng hợp tác nhóm- Rèn luyện năng lực tìm hiểu vấn đề, sử dụng lược đồ.... - Rèn luyện kĩ năng đánh giá tình hình của đất nước, có ý thức bảo vệ tổ quốc, đánh giá tình hình chính trị quân sự, luật pháp của một thời kì lịch sử <nhà Trần>.**3. Phẩm chất** **-** Yêu quê hương đất nước, con người. Sống có trách nhiệm...- Giáo dục niềm tự hào về thời kì thịnh trị của đất nước, có ý thức bảo vệ tổ quốc. |
| 17 | Bài 14. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên. | **3 tiết****37,38,39** | **1. Kiên thức:** Sau bài học, Hs sẽ:- Lập được sơ đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên; nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân và dân Đại Việt- Đánh giá được vai trò của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần như Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông… **2. Năng lực**- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp và hợp tác.- Năng lực đặc thù : + Trình bày diễn biến bằng lược đồ+Phân tích vấn đề lịch sử, đánh giá các nhân vật lịch sử+Vận dụng kiến thức thực hành**3. Phẩm chất**- Bồi dưỡng các phẩm chất yêu nước, trách nhiệm |
| 18 | Bài 15. Nước Đại Ngu thời Hồ (1400-1407).  | **2 tiết****40,41** | **1. Về kiến thức**- Hiểu được: Nhà Hồ lên thay nhà Trần trong hoàn cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, đói kém. Sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly đã thi hành nhiều chính sách cải cách để chấn hưng đất nước. Nắm được cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.- Lược thuật sự kiện lịch sử.- Đánh giá công lao nhân vật lịch sử, ý nghĩa sự kiện lịch sử.**2. Về năng lực:**- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề,..- Năng lực đặc thù: Bồi dưỡng cho Hs năng lực trình bày các sự kiện lịch sử, vẽ sơ đồ tư duy, phân tích các sự kiện lịch sử...**3. Về phẩm chất:**- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước, lòng tự hào dân tộc: truyền thống yêu nước, ý chí anh hùng bất khuất của nhân dân ta.- Vai trò to lớn của quần chúng trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược. |
| 19 | **Ôn tập giữa kì II** | **42** | **1. Kiến thức**- Củng cố kiến thức thông qua việc làm các BT LS**2. Năng lực****-** Năng lực:Hợptác nhóm, ngôn ngữ, giao tiếp, tìm hiểu các sự kiện lịch sử…- Sáng tạo, vận dụng kiến thức để lập bảng, hoàn thành phiếu học tập**3. Phẩm chất** - Tích cực, tự giác |
| 20 | **Kiểm tra giữa kì II** | **43,44** | **1. Kiến thức**- Củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| 21 | Bài 16. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) |  | **1. Kiến thức**- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn là cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, từ một cuộc khởi nghĩa nhỏ ở miền rừng núi Thanh Hoá đã phát triển rộng khắp cả nước.- Tầng lớp quý tộc Trần, Hồ đã suy yếu không đủ sức lãnh đạo khởi nghĩa, chỉ có tầng lớp địa chủ mới do Lê Lợi lănh đạo có đủ uy tín tập hợp khởi nghĩa**2. Năng lực**- Phát triển năng lực tìm hiểu sự kiện nhân vật, năng lực quan sát tranh ảnh, năng lực ngôn ngữ, hợp tác nhóm...**-** Sử dụnglược đồ lịch sử, trình bày một vấn đề, đánh giá vai trò của nhân vật lịch sử.**3. Phẩm chất**- Ý thức được lòng yêu nước, biết ơn người có công với nước: Lê Lợi, Nguyễn Trãi.- Biết ơn và kính trọng các vị anh hùng dân tộc, yêu quê hương đất nước |
| 22 | Bài 17. Đại Việt thời Lê sơ (1428-1527) | **45,46** | **1. Kiến thức**- Bộ máy chính quyền thời Lê Sơ, chính sách đối với quân đội thời Lê, những điểm chính của bộ luật Hồng Đức. - So sánh với thời Trần để chứng minh dưới thời Lê Sơ, nhà nước tập quyền tương đối hoàn chỉnh, quân đội hùng mạnh, có luật pháp, đảm bảo kỉ cương, trật tự xã hội.- Biết tình hình kinh tế thời Lê Sơ làm tiền đề cho văn hoá phát triển- Nhận thức và hiểu về các giá trị văn hoá thời Lê Sơ**2. Năng lực** **-** Hình thành năng lực tự chủ, giao tiếp, ngôn ngữ, tìm hiểu xã hội...- Rèn kĩ năng hợp tác nhóm- Rèn luyện năng lực tìm hiểu vấn đề, sử dụng lược đồ....- Rèn luyện kĩ năng đánh giá tình hình của đất nước, có ý thức bảo vệ tổ quốc, đánh giá tình hình chính trị quân sự, luật pháp của một thời kì lịch sử <Lê Sơ>.**3. Phẩm chất** **-** Yêu quê hương đất nước, con người. Sống có trách nhiệm...- Giáo dục niềm tự hào về thời kì thịnh trị của đất nước, có ý thức bảo vệ tổ quốc. |
| 23 | Bài 18. Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu TK X đến đầu TK XVI | **47,48,49,50** | **1. Về kiến thức:** - Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị của Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đẩu thế ki XVI.- Trình bày được những nét chính về kinh tế, văn hoá của Vương quốc Chăm-pa, vùng đất Nam Bộ từ đẩu thế kỉ X đến đẩu thế kỉ XVI.**2. Về năng lực:****\* Năng lực chung:** Biết nghiên cứu, khai thác kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tế.\* **Năng lực đặc thù**- Biết sưu tầm, khai thác tư liệu, kênh hình trong học tập lịch sử, rèn luyện năng lực tìm hiểu lịch sử.- Biết trình bày, suy luận, phản biện, tranh luận vế một vấn đề lịch sử, rèn luyện năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.**3. Về phẩm chất:**Bồi dưỡng tinh thần quý trọng, có ý thức bảo vệ đối với những thành tựu và di sản văn hoá của Chăm-pa, của cư dân sinh sống ở vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI để lại. |
|  | **Ôn tập cuối kì II** | **51,52** | **1. Kiến thức**- Củng cố kiến thức và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90ph | Tuần 9 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | Kiểm tra viết gồm TNKQ + TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 90ph | Tuần 18 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| Giữa Học kỳ 2 | 90ph | Tuần 27 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**Tự chủ và tự họcGiải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| Cuối Học kỳ 2 | 90ph | Tuần 35 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học - Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

**B. ĐỐI VỚI PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**1. Phân phối chương trình** (Cả năm: 52 tiết)

( Học kỳ I: 1tiết/ tuần- 18 tiết; Học kỳ II: 2 tiết/tuần- 34tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| 1 | Bài 1: Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu. | 2 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. – Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi. – Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa.– Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa. |
| 2 |  Bài 2: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu | 2 | – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. - Phân tích được những thuận lợi và khó khăn của dân số đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở châu Âu. |
| 3 | Bài 3: Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu.  | 3 | – Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. |
| 4 | Bài 4: Liên minh châu Âu.  | 2 | – Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới |
| 5 | Bài 5: Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Âu | 2 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.– Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. |
| 6 | Bài 6: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu.  | 2 | – Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. |
| 7 | Bài 7: Bản đồ chính trị châu Á | 2 | – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực của châu Á. |
| 8 | Bài 8: Thực hành: Tìm hiểu về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á. | 2 | - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). |
| 9 | Bài 9: Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Phi.  | 3 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.– Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. |
| 10 | Bài 10: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi.  | 1 | – Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự,... |
| 11 | Bài 11: Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi.  | 1 | – Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.– Phân tích được một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác,... |
| 12 | Bài 12: Thực hành: Tìm hiểu khái quát Cộng hòa Nam Phi.  | 1 | – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. |
| 13 | Bài 13: Vị trí địa lí, phạm vi châu Mĩ. Sự phát kiến ra châu Mĩ.  | 2 | – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.– Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502). |
| 14 | Bài 14: Các đặc điểm tự nhiên Bắc Mĩ. Tiết 1: Đặc điểm địa hình và khí hậu Bắc Mĩ. | 2 | – Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hoá của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên ở Bắc Mỹ.  |
| 15 | Bài 15: Đặc điểm dân cư, xã hội, phương thức khai thác tự nhiên và bền vững ở Bắc Mĩ.  | 2 | – Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá ở Bắc Mỹ.– Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ– Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ. |
| 16 | Bài 16: Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mĩ  | 2 | – Trình bày được sự phân hoá tự nhiên ở Trung và Nam Mỹ: theo chiều Đông – Tây, theo chiều Bắc – Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes). |
| 17 | Bài 17: Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mĩ, khai thác, sử dụng và bảo vệ rừng a-ma-dôn | 1 | – Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh.– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon.– Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Trung và Nam Mỹ thông qua trường hợp rừng Amazon. |
| 18 | Bài 18: Châu Đại Dương. | 2 | – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. – Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.– Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.– Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. |
| 19 | Bài 19: Châu Nam Cực.  | 2 | – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.– Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.– Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa hình, khí hậu, sinh vật.– Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến |
| 20 | Chủ đề: Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Tiết 1: Đô thị và sự hình thành các nền văn minh cổ đại.  | 1 | - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí.- Mô tả được 2 cuộc đại phát kiến địa lí. C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492-1502) và cuộc thám hiểm của Ph. Ma-gien-lăng vòng quanh Trái Đất (1519-1522).- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. |
| 21 | Chủ đề: Đô thị: Lịch sử và hiện tại. Tiết 2: Các đô thị châu Âu thời trung đại. | 1 | - Phân tích được các điều kiện địa lí và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một số đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể)-Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.- Trình bày được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại. |
|  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90ph | Tuần 9 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. | Kiểm tra viết gồm TNKQ + TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 90ph | Tuần 18 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học- Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| Giữa Học kỳ 2 | 90ph | Tuần 27 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**Tự chủ và tự họcGiải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |
| Cuối Học kỳ 2 | 90ph | Tuần 35 | **1. Kiến thức**- Ghi nhớ và vận dụng kiến thức đã học giải quyết các câu hỏi, bài tập nhận thức**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học - Giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tính toán.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |

 **C.GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

**\* Kế hoạch cụ thể:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài học/****chuyên đề /chủ đề** | **Thiết bị dạy học** | **Ghi chú** |
| 1 | **Bài 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Bảng tương tác, Mạng Internet, video gương người tốt, việc tốt, tranh ảnh , tư liệu về truyền thống văn hoá, lịch sử, làng nghề quê hương |  |
| 2 | **BÀI 2: QUAN TÂM, CẢM THÔNG , CHIA SẺ**  | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, tư liệu , tranh ảnh về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ |  |
| 3 | **BÀI 3: HỌC TẬP, TỰ GIÁC VÀ TÍCH CỰC** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, tư liệu tranh ảnh, câu chuyện hay về tấm gương tự gác tích cực trong học tập.  |  |
| 4 | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** | Đề kiểm tra và phiếu trả lời |  |
| 5 | **BÀI 4: GIỮ CHỮ TÍN** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, Video vê việc giữ chữ tín |  |
| 6 | **BÀI 5: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, tư liệu, câu chuyện, tranh ảnh , phương tiện hỗ trợ để đi thăm quan các di tích lịch sử, văn hoá quê hương, địa phương.  |  |
| 7 | **BÀI 6: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÝ CĂNG THẲNG** | Màn chiếu/Tivi, laptop, giấy A0, bút lông. Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, Video về các tình huống dẫn đến tâm lý căng thẳng của HS.  |  |
| 8 | **ÔN TẬP HỌC KỲ I** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông. Phiếu bài tập  |  |
| 9 | **KIỂM TRA HỌC KỲ I** | Đề kiểm tra và phiếu trả lời |  |
| 10 | **BÀI 7: PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, , một số quy định trong Luật giáo dục về phòng chống bạo lực học đường , video về các tình huống bạo lực học đường, các điều kiện về phông bạt, loa đài cho hoạt động tìm hiểu về bạo lực học đường |  |
| 11 | **BÀI 8: QUẢN LÝ TIỀN**  | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông, tư liệu, video, câu chuyện hay về sự tiết kiệm, việc quản lý tiền của HS và người lớn.  |  |
| 12 | **Kiểm tra giữa HK II** | Đề kiểm tra và phiếu trả lời |  |
| 13 | **BÀI 9: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**  | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông , tư liệu, video, tranh ảnh về các tệ nạn xã hội và các việc làm góp phần phòng chống tệ nạn xã hội, tài liệu luật về trách nhiệm trong việc phòng chống tệ nạn xã hội.  |  |
| 14 | **BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH**  | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông. Bộ luật Hôn nhân và gia đình , Tài liệu về Luật gia đình, tình huống, video về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình |  |
| 16 | **ÔN TẬP HỌC KỲ II** | SGK, Máy tính, máy chiếu đa năng, Tivi, laptop, giấy A0, bút lông. Phiếu bài tập  |  |
| 17 | **KIỂM TRA HỌC KỲ II** | Đề kiểm tra và phiếu trả lời |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 | **TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG** | **3**( từ tiết 1- 3) | **1. Về kiến thức:** - Nêu được một số truyền thống văn hoá của quê hương.- Nêu được truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi *(Đánh giá hành vi của bản thân và người khác)*** - Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.**\*. Năng lực phát triển bản thân*****Lập kế hoạch phát triển bản thân:***  Xác định được những việc cần làm phù hợp với bản thân để giữ gìn phát huy truyền thống quê hương.***Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:*** Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất yêu nước:** Tự hào về truyền thống của quê hương**- Phẩm chất trách nhiệm:** Có trách nhiệm giữ gìn phát huy các truyền thống của quê hương và phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. |
| 2 | **QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ** | 3( từ tiết 4-6 ) | **1. Về kiến thức:** - Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.**-** Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi** ***Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:*** - Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.***Điều chỉnh hành vi:*** - Đưa ra lời nói/cử chỉ khuyến khích, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.**\*. Năng lực phát triển bản thân****-** Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.**3. Về phẩm chất:****Phẩm chất nhân ái:** - Biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác. |
| 3 | **HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC** | 2( từ tiết 7-8 ) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.- Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi** Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.**\*. Năng lực phát triển bản thân**Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất chăm chỉ:** có ý thức tích cực, tự giác, vươn lên trong học tập**- Phẩm chất trách nhiệm:** Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này. |
| 4 | **GIỮ CHỮ TÍN** | **2**( từ tiết 10- 11) | **1. Về kiến thức:**- Trình bày được chữ tín là gì.- Nêu được biểu hiện của giữ chữ tín.- Giải thích được vì sao phải giữ chữ tín.- Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi :** Phê phán những người không biết giữ chữ tín.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất trung thực:** Biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín. |
| 5 | **BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ** | **3**( từ tiết 12- 14) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được khái niệm di sản văn hoá.- Liệt kê được một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.- Trình bày được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá.- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi :** Xác định được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.**3. Về phẩm chất:** **- Phẩm chất trách nhiệm:** Thể hiện ở việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá. |
| 6 | **ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÍ CĂNG THẲNG** | **2**( từ tiết 15- 16) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.- Kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.- Xác định được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng- Dự kiến được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi:** Xác định được một cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất trách nhiệm:** Thể hiện ở việc biết điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái. |
| 7  | **ÔN TẬP CUỐI HK I** | **1**(tiết 17) | **1. Kiến thức****-** Giúp HS nắm kiến thức đã học một cách có hệ thống, biết khắc sâu một số kiến thức đã học.- Xác định được kiến thức trọng tâm để ôn tập, vận dụng vào các tình huống có thể kiểm tra tốt nhất. **2. Năng lực***-* Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, thực hành các tình huống… *-* Biết chủ động, tích cực lên kế hoạch ôn tập tốt nhất không dựa dẫm, ỷ lại, không cần ai nhắc nhở ôn tập, chuẩn bị KT. **3. Phẩm chất***-*  Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trên lớp. - Về nhà học tập tất cả những nội dung đã được GV hướng dẫn ôn tập, thực hành xử lý những tình huống liên quan đến chủ đề các bài học đã được học. |
| **8** | **PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG** | **4**(Từ tiết 19- 22) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường.- Giải thích được nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi:** - Nhận biết và trình bày được các cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.- Sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: - Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất trung thực:** Bảo vệ lẽ phải, sẵn sàng tố giác hành vi bạo lực học đường với người có trách nhiệm/ cơ quan chức năng**- Phẩm chất trách nhiệm:** Phê phán đấu tranh, góp phần ngăn chặn hành vi bạo lực học đường |
| 9 | **QUẢN LÝ TIỀN** | **3**(Từ tiết 23- 25) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.- Trình bày được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi:** -Nhận biết sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền.- Có ý thức tiết kiệm và sử dụng tiền hiệu quả**\*. Năng lực phát triển bản thân**: - Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.- Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.**\*. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:**- Bước đầu biết quản lí tiền của bản thân.- Bước đầu biết tạo nguồn thu nhập của cá nhân.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất trách nhiệm:** Có trách nhiệm quản lí tiền hiệu quả |
| 10  | **PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI** | **4**(Từ tiết 27- 30 ) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.- Giải thích được hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.- Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi:**- Đánh giá được tác hại của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.- Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội.- Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: - Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.- Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.**3. Về phẩm chất:** **- Phẩm chất trung thực:** Biết phê phán đấu tranh với các tệ nạn xã hội.**- Phẩm chất trách nhiệm:** Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội. |
| 10 | **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH** | **3**(Từ tiết 31- 33 ) | **1. Về kiến thức:**- Nêu được khái niệm gia đình.- Nêu được vai trò của gia đình.- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.**2. Về năng lực:****\*. Năng lực điều chỉnh hành vi:**Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác.**\*. Năng lực phát triển bản thân**: Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.**3. Về phẩm chất:****- Phẩm chất nhân ái:** Yêu thương, quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình.- Phẩm chất trách nhiệm: Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình. |
| 11 | **ÔN TẬP CUỐI HK II** | **1**(tiết 34) | **1. Kiến thức****-** Giúp HS nắm kiến thức đã học một cách có hệ thống, biết khắc sâu một số kiến thức đã học.- Xác định được kiến thức trọng tâm để ôn tập, vận dụng vào các tình huống có thể kiểm tra tốt nhất. **2. Năng lực***-* Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, thực hành các tình huống… *-* Biết chủ động, tích cực lên kế hoạch ôn tập tốt nhất không dựa dẫm, ỷ lại, không cần ai nhắc nhở ôn tập, chuẩn bị KT. **3. Phẩm chất***-*  Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trên lớp. - Về nhà học tập tất cả những nội dung đã được GV hướng dẫn ôn tập, thực hành xử lý những tình huống liên quan đến chủ đề các bài học đã được học. |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | **45 phút** | **Tuần 9** | **1. Kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học về trong mạch kiến thức về giáo dục đạo đức ở các chủ đề 1,2,3- Nắm được, khắc sâu được các khái niệm về truyền thống quê hương, di sản văn hoá, quan tâm chia sẻ….. Phân biệt được các biểu hiện đúng và chưa đúng về các chuẩn mực đạo đức trên. Thấy được ý nghĩa to lớn của việc tự hào , phát huy truyền thống văn hoá quê hương….. **2. Năng lực***- Năng lực điều chỉnh hành*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.*- Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập**3. Về phẩm chất:***- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp*- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Viết** |
| Cuối Học kỳ 1 | **45 phút** | **Tuần 18** | **1. Kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học trong suốt học kỳ 1 ở ccs chủ đề từ bài 1 đến hết bài 6**2. Năng lực***- Năng lực điều chỉnh hành*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.*- Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập**3. Về phẩm chất:***- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp*- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Viết** |
| Giữa Học kỳ 2 | **45 phút** | **Tuần 26** | **1. Kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học về trong mạch kiến thức ở các chủ đề 7, 8 - Nắm được, khắc sâu được các khái niệm , ý nghĩa , phân biệt được các biểu hiện đúng và chưa đúng về phòng chống bạo ,lực học đường, quản lý tiền  **2. Năng lực***- Năng lực điều chỉnh hành*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.*- Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập**3. Về phẩm chất:***- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp*- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Viết** |
| Cuối Học kỳ 2 | **45 phút** | **Tuần 25** | **1. Kiến thức** - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học trong suốt học kỳ 2 ở các chủ đề từ bài 7 đến hết bài 10**2. Năng lực***- Năng lực điều chỉnh hành*: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi.*- Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập**3. Về phẩm chất:***- Trung thực*: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp*- Trách nhiệm*: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Viết** |

 **Các nội dung khác (nếu có):**

 *(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 60’ | Tuần 9 | Kiểm tra kiến thức, kỹ năng (tuần 1-tuần9) | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 60’ | Tuần 18 | Kiểm tra kiến thức, kỹ năng (tuần 10-tuần 18) | Viết  |
| Giữa Học kỳ 2 | 60’ | Tuần 26 | Kiểm tra kiến thức, kỹ năng (từ tuần 19-tuần 26) | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 60’ | Tuần 35 | Kiểm tra kiến thức, kỹ năng (tuần 27-tuần 34) | Viết  |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**\* CÁC NỘI DUNG KHÁC(NẾU CÓ):**

 - Số tiết dự giờ : 18 tiết/ giáo viên

 - Số lần kiểm tra HS : 2 lần /HK

 - Chuẩn bị nguồn đội tuyển : 5 HS /môn

 - Phụ đạo HS yếu : 2 tiết/ giáo viên/ tuần

 - Số cột điểm : 2 cột miệng, 2 cột 15 phút, 1 cột kt giữa kỳ, 1cột kt cuối kỳ/ HK.

 - Kiểm tra 15 phút : Gv kiểm tra linh hoạt trên lớp

 - Sử dụng giáo án điện tử : khuyến khích ít nhất 50-70% giáo viên lên lớp sử dụng giáo án điện tử.

 - Ngoại khóa : 1 lần/HK

 - Chất lượng bộ môn 7 : 90% tb trở lên.

**III. Các nội dung khác (nếu có)**

-Đầu năm dự kiến chuyên môn.

-Họp tổ chuyên môn thống nhất qui định các loại hồ sơ sổ sách, qui định về dự giờ GV, phân công triển khai chuyên đề hàng tháng theo qui định của cấp trên

-Tham gia các cuộc thi:(KHKT…)

-Tham gia tập huấn các chuyên đề

-Kiểm tra việc dạy học của GV

-Kiểm tra HSSS:2 lần/HK.

-Chất lượng các môn đều đat.>90%

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ LỚP 8 ( PHÂN MÔN LỊCH SỬ)**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 04**; Số học sinh:** 153.**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**02; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:02; Trên đại học:01

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:02; Khá:................; Đạt:...............' Chưa đạt:..............

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[5]](#footnote-5)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| HỌC KỲ I |
| 1 | Bài 1. Các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ | **3 tiết** | - Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.- Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Mỹ. Pháp-Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. |
| 2 | **Bài 2.** Cách mạng công nghiệp  | **1** | - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. - Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống. |
| 3 | Bài 3. Tình hình Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX  | **2** | - Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á.- Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.-Mô tả được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây. |
| 4 | Bài 4. Xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn | **2** | - Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc.- Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. – - Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. |
| 5 | Bài 5. Quá trình khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | **2** | - Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII.- Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn |
| 6 | Bài 6. Kinh tế, văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII | **2** | - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. - Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII |
| 7 | **Bài 6.** Khởi nghĩa nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII | **1** | -Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII.- Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII. |
| 8 | **Bài 7.** Phong trào Tây Sơn | **3** | - Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. |
| 9 | **Ôn tập giữa kỳ** | **1** | Ôn tập từ bài 1 đến bài 7 |
| 10 | **Kiểm tra giữa kỳ I** | **1** | - Nêu và trình bày được những nét chính về các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ; những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp; những nét chính của khu vực Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.-Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc và hệ quả cuộc xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn.-Trình bày và rút ra được ý nghĩa của trình xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn.-Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn; đánh giá được vai trò của Quang Trung – Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn và lịch sử dân tộc. |
| 11 | Bài 9. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc | 2 | -Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc.- Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |
| 12 | Bài 10. Công xã Pa-ri (năm 1871) | 1 | - Trình bày những nét chính về Công xã Paris (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới.  |
| 13 | Bài 11. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác  | **2** | - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân- Trình bày được một số nét hoạt động chính của C. Mac, Ph.Ăng ghẹn và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học- Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX và đầu XX |
| 14 | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) | **2** | - Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất. Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.- Phân tích đánh giá được hậu quả và tác động của chiến tranh thế giơi đối với lịch sử nhân loại |
| 15 | **Ôn tập cuối kỳ I** | **1** | Ôn tập kiến thức từ bài 9 đến bài 11 |
| 16 | **Kiểm tra cuối kỳ I** | **1** | - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII- Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.- Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX và đầu XX |
| **HỌC KỲ II** |
| 17 | Bài 13. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 | **1** | Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. |
| 18 | Bài 14. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX | **2** | - Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX.- Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. |
| 19 | Bài 15. Trung Quốc | **1** | - Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi, nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi. |
| 20 | Bài 16. Nhật Bản | **1** | - Nêu được những nội dung chính ý nghĩa lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị.- Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. |
| 21 | Bài 17. Ấn Độ | **1** | Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX |
| 22 | Bài 18. Đông Nam Á | **1** | -Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |
| 23 | Bài 19. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX | **3** | - Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn.- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. |
| 24  | Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884) | **3** | -Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884).- |
| 25 | Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX | **2** | Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế |
| 26 | **Ôn tập giữa kỳ** | **1** | Ôn tập từ bài 12 đến bài 16 |
| 27 | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 | - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi; cuộc Duy tân Minh Trị; tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX; phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn.-Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). |
| 28 | Bài 22. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX | **1** | Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước |
| 29 | Bài 23. Việt Nam đầu thế kỉ XX | **3** | - Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lầ thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. |
| 30 | Chủ đề chung 2. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | **3** | -Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam).-Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. – Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử |
| 31 | **Ôn tập cuối HKII** | **1** | Ôn tập kiến thức từ bài 16 đến bài 19 |
| 32 | **Kiểm tra cuối HKII** | **1** | -Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nướcTrình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế- Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lầ thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Yêu cầu cần đạt(3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian(1) | Thời điểm(2) | Yêu cầu cần đạt(3) | Hình thức(4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | Nội dung các bài GV dặn | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | Nội dung các bài GV dặn | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 27 | Nội dung các bài GV dặn | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | Nội dung các bài GV dặn | Viết |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG: THCS TRẦN HÀO**TỔ: LỊCH SỬ-ĐỊA LÍ-GDCD-TIẾNG ANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: ĐỊA LÍ-KHỐI LỚP: 8**

(Năm học: 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình:**

**1. Số lớp: 04** **; Số học sinh: 153 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** **02** ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học: **02**; Trên đại học:01

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[6]](#footnote-6):** Tốt: **02** ; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | - Bảng số liệu.- Bảng phụ, dụng cụ vẽ… | 01 | **Bài 5: Thực hành:** Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu. |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập:** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng bộ môn. | 01 | Sinh hoạt chuyên môn. | GV sử dụng theo kế hoạch của tổ CM. |
| 2 | Phòng thiết bị. | 01 | Lưu giữ ĐDDH. | GV kí mượn – trả. |

**II. Kế hoạch dạy học:**

**1. Phân phối chương trình:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **SỐ****TT** | **Bài học** **(1)** | **Số tiết (2)** | **Yêu cầu cần đạt** **(3)** |
| **CHƯƠNG 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM.** |
| **HỌC KÌ I** |
| 1 | Bài 1: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam. | 2 | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.**Thông hiểu:** Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. |
| 2 | Bài 2: Địa hình Việt Nam. | 4 | **Nhận biết:** - Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. **Vận dụng:** Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. |
| 3 | Bài 3+ Bài 4: Ảnh hưởng của địa hình….tự nhiên Đặc vđiểm chung của Khoáng sản Việt Nam…... | 4 | **Thông hiểu:**- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.- Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. |
| 4 | Bài 5:Thực hành:Phân tích đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu | 1 | **-Nhận biết:** - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam.**-Vận dụng:** - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. |
| 5 | **Ôn tập giữa kì I.** | 1 |  |
| 6 | **Kiểm tra giữa kì I.** | 1 |  |
| **CHƯƠNG 2: KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM.** |
| 7 | Bài 6:Đặc điểm khí hậu . | 3 | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.**Thông hiểu:** Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao. |
| 8 | Bài 7: Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu. | 3 | **Vận dụng:** Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. |
| 9 | **Ôn tập cuối kì I.** | 2 |  |
| 10 | **Kiểm tra cuối kì I.** | 1 |  |
| **HỌC KÌ II** |
| 11 | Bài 8: Đặc điểm Thủy văn. | 3 | **Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. **Thông hiểu:** Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn. |
| 12 | Bài 10: Vai trò của khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của nước ta. | 3 | **Thông hiểu:** - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp.- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.**Vận dụng:** Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.**Vận dụng cao:** Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. |
| 13 | Bài 9: Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam. | 2 | **Thông hiểu:** Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam.**Vận dụng cao:** Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| **CHƯƠNG 3: THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM.** |
| 14 | Bài 11: Đặc điểm chung và sự phân bố của lớp phủ thổ nhưỡng. | 2 | **Nhận biết:** Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính.**Thông hiểu:**- Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. - Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp.- Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thuỷ sản.**Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. |
| 15 | Bài 12:Sử dụng hợp lý tài nguyên Đất. | 4 | **Thông hiểu:** Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.**Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. |
| 16 | Bài 13:Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học. | 4 | **Thông hiểu:** Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.**Vận dụng:** Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. |
| **CHƯƠNG 4: BIỂN ĐẢO VIỆT NAM.** |
| 17 | Bài 14: Vị trí địa lý Biển Đông. Vùng biển đảo và đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. | 4 | **Nhận biết:**- Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam.- Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam.**Vận dụng:** Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; trình bày được các khái niệm vùng nội thuỷ, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam) |
| 18 |  **Ôn tập giữa kì II.** | 2 |  |
| 19 | **Kiểm tra giữa kì II.** | 1 |  |
| 20 | Bài 15:Đặc điểm tự nhiên, Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam. | 6 | **Nhận biết:** Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam.**Thông hiểu:** Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. |
| 21 | ***Chủ đề chung 1: Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long****.* | 4 | **Nhận biết:**- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển châu thổ; mô tả được chế độ nước của các dòng sông chính.- Trình bày được quá trình con người khai khẩn và cải tạo châu thổ, chế ngự và thích ứng với chế độ nước của sông Hồng và sông Cửu Long. |
| 22 | ***Chủ đề chung 2: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông****.* | 2 | **Nhận biết:**- Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.- Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử.**Thông hiểu:** Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam) |
| 23 | **Ôn tập cuối kì II.** | 2 |  |
| 24 | **Kiểm tra cuối kì II.** | 1 |  |

 *(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| Giữa học kì I | 90 phút | Tuần 09 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức từ đầu học kì đến thời gian kiểm tra.- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài. - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy. |
| Cuối học kì I | 60 phút | Tuần 18 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức toàn bộ học kì.- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài. - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy. |
| Giữa học kì II | 60 phút | Tuần 28 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức từ đầu học kì đến thời gian kiểm tra.- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài. - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy. |
| Cuối học kì II | 60 phút | Tuần 35 | - Giúp học sinh ôn tập, củng cố những kiến thức toàn bộ học kì.- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng hệ thống, đối chiếu, so sánh, làm bài. - Giáo dục học sinh ý thức tự giác, trung thực, nghiêm túc. | Viết trên giấy. |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ LỚP 9**

Năm học 2024 - 2025

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp**: 3; Số học sinh: 116; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):

**2. Tình hình đội ngũ**: Số giáo viên: 4 ; Trình độ đào tạo: Đại học:4;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[7]](#footnote-7): Tốt: 4;

**3. Thiết bị dạy học**

***a.* *Phân môn Lịch sử***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính, máy chiếu/ tivi | 1 bộ/GV |  | Sử dụng ở các bài dạy trên lớp |
| 2 | Tranh, ảnh chân dung các nhân vật lịch sử: Gagarin; Goocbachop; Hồ Chí Minh; Võ Nguyên Giáp; Trần Phú; Trường Chinh; Lê Duẩn; Nguyễn Văn Linh…. | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung tranh, ảnh |
| 3 | Lược đồ Thế giới; Châu Á; Châu Phi; Châu Mỹ; ASEAN… | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung sử dụng thiết bị |
| 4 | Lược đồ các phong trào đấu tranh: Châu Phi; Quá trình tìm đường cứu nước của NAQ; Xô viết Nghệ-Tĩnh; Cách mạng tháng Tám; Tổng tiến công 1975… | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung sử dụng thiết bị |
| 5 | Những Video, hình ảnh về thành tựu xây dựng đất nước sau giải phóng đến ngày nay | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung sử dụng thiết bị |

 ***b. Phân môn Địa lí***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bản đồ hành chính Việt Nam | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 2 | Bản đồ dân số Việt Nam  | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 3 | Bản đồ tự nhiên Việt Nam | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 4 | Bản đồ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam. | 1 bộ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 5 | Bản đồ công nghiệp Việt Nam. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 6 | Bản đồ giao thông vận tải Việt Nam. | 1 tờ/GV |  |
| 7 | Bản đồ hành chính Việt Nam | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 8 | Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.Bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 9 | Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng. Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 10 | Bản đồ Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 11 | Bản đồ tự nhiên Bắc Trung BộBản đồ kinh tế Bắc Trung Bộ | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 12 | Bản đồ tự nhiên Duyên hải Nam Trung Bộ. Bản đồ kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 13 | Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên.Bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 14 | Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ.Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 15 | Bản đồ Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 16 | Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 17 | Bản đồ biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở Đồng bằng sông Cửu Long . | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |
| 18 | Bản đồ các huyện, thành phố đảo của Việt Nam, bản đồ một số ngành kinh tế biển Việt Nam. | 1 tờ/GV |  | Các bài học tương ứng với nội dung bản đồ, tranh, ảnh |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng đa năng | 01 | Sử dụng dạy học, hội giảng | Có máy chiếu kết nối Internet, hệ thống âm thanh; Sử dụng theo lịch đăng kí |
| 2 | Vườn trường | 01 | Dạy học trải nghiệm, thực hành | Sử dụng theo lịch đăng kí |

**II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

1. **Phân môn Lịch Sử**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG I. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945** |
| 1 | **Bài 1:**Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến 1945 | 1 | - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập-Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được những hạn chế của công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô. |  |
| 2 | **Bài 2:**Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933, sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.- Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. |  |
| 3 | **Bài 3:**Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | Nêu được những nét chính về tình hình của Nhật Bản, và phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. |  |
| 4 | **Bài 4:** Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 -1945) | 2 | - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.- Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.- Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít. |  |
| **CHƯƠNG II. VIỆT NAM TỪ 1918 ĐẾN 1945** |
| 5 | **Bài 5:**Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930 | 2 | - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 gồm: phong trào yêu nước của giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản; phong trào công nhân- Mô tả được những nét chính của sự ra đời của các tổ chức yêu nước cách mạng. |  |
| 6 | **Ôn tập giữa kì I** | 1 | Khái quát, hệ thống hóa kiến thức và kĩ năng đã học |  |
| 7 | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong nửa đầu HKI- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| 8 | **Bài 6:**Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930.- Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. |  |
| 9 | **Bài 7:**Phong trào cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930-1939 | 1 | Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. |  |
| 10 | **Bài 8:**Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 3 | - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản.- Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.- Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.* Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
 |  |
| **CHƯƠNG III. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** |
| 11 | **Bài 9:** Chiến tranh lạnh(1947-1989) | 1 | Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. |  |
| 12 | **Bài 10:**Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.- Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. |  |
| 13 | **Bài 11:**Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến 1991 | 1 | Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. |  |
| 14 | **Bài 12:**Khu vực Mỹ La-Tinh và Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991.- Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu-ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba. |  |
| 15 | **Ôn tập cuối kì I** | 1 | Khái quát, hệ thống hóa kiến thức và kĩ năng đã học |  |
| 16 | **Kiểm tra cuối HKI** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKI- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| **CHƯƠNG IV. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** |
| 17 | **Bài 13:**Việt Nam trong những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 | 2 | - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.- Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. |  |
| 18 | **Bài 14:** Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xân lược giai đoạn 1946-1950 | 2 | - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).- Nhận biết và giải thích được đường lối cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. |  |
| 19 | **Bài 15:** Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xân lược giai đoạn 1951-1954 | 2 | - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự, ngoại giao,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951 – 1954.- Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá, quân sự,... trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1946 – 1950. |  |
| 20 | **Bài 16:**Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 - 1965 | **2** | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam,…).- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”). |  |
| 21 | **Bài 17:**Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 - 1975 | 3 | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giai đoạn 1965 – 1975 (chi viện cho miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,…).- Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (đánh bại các chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ”, Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,…).- Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |  |
| 22 | **Ôn tập giữa HKII** | 1 | Khái quát, hệ thống hóa kiến thức và kĩ năng đã học |  |
| 23 | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| 24 | **Bài 18:**Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1985 | 2 | - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.- Mô tả được đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991.- Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới. |  |
| **CHƯƠNG V. THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** |
| 25 | **Bài 19:**Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay.Liên Bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay | **2** | - Nhận biết được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.- Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.- Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |  |
| 26 | **Bài 20:**Châu Á từ năm 1991 đến nay | 2 | Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. |  |
| 27 | **Ôn tập cuối HKII** | 1 | Khái quát, hệ thống hóa kiến thức và kĩ năng đã học |  |
| 28 | **Kiểm tra cuối HKII** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| **CHƯƠNG VI. VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** |
| 29 | **Bài 21:**Việt Nam từ năm 1991 đến nay | 1 | Chỉ ra được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh,…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. |  |
| **CHƯƠNG VII. CÁCH MẠNG KHOA HỌC - KỸ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ** |
| 30 | **Bài 22:**Cách mạng khoa học – Kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá. | 2 | Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế. |  |
| 31 | **Chủ đề 3:**Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam ở Biển Đông | 4 | - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.- Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |  |

1. **Phân môn địa lí**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **CHƯƠNG 1. ĐỊA LÍ DÂN CƯ** |
| 1 | **Bài 1.** Dân tộc và dân số | 2 | - Trình bày được đặc điểm phân bố dân tộc Việt Nam.- Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. |  |
| 2 | **Bài 2.** Phân bố dân cư và các loại hình quần cư | 1 | - Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra đặc điểm phân bố dân cư.- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. |  |
| 3 | **Bài 3.** Thực hành: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hóa thu nhập theo vùng. | 1 | - Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.- Nhận xét được sự phân hóa thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước. |  |
| **CHƯƠNG 2. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ** |
| 4 | **Bài 4.** Nông nghiệp | 3 | -Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp.- Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.- Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. |  |
| 5 | **Bài 5.** Lâm nghiệp và thủy sản | 2 | - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản.- Trình bày được sự phát triển vả phân bố lâm nghiêp, thủy sản. |  |
| 6 | **Bài 6.** Thực hành: viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả | 1 | Tìm kiếm được thông tin và viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả |  |
| 7 | **Bài 7.** Công nghiệp  | 2 | -Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.- Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.- Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. |  |
| 8 | **Bài 8.** Thực hành: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta | 1 | Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. |  |
| 9 | **Bài 9.** Dịch vụ | 2 | - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển và các sân bay quốc tế chính.- Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. |  |
| 10 | **Bài 10.** Thực hành: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch | 1 | Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại, du lịch. |  |
| 11 | **Ôn tập** | 1 |  Nhận biết, vận dụng được các kiến thức cơ bản đã học; Vận dụng kiến thức kỹ năng đã học |  |
| 12 | **Kiểm tra giữa kì 1** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| **CHƯƠNG 3. SỰ PHÂN HÓA LÃNH THỔ** |
| 13 | **Bài 11.** Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 3 | - Xác định được trên bản đồ vị tri địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.- Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển nông nghiệp, lâm – nông – thuỷ sản, du lịch.- Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư.- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng.- Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. |  |
| 14 | **Bài 12.** Vùng Đồng bằng sông Hồng | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí và phạm vi lãnh thổ của vùng.- Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển.- Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.- Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.- Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng. |  |
| 15 | **Bài 13.** Thực hành: Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | 1 |  Sưu tầm tư liệu và trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. |  |
| 16 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học trong học kì 1; Rèn luyện lại các kĩ năng. |  |
| 17 | **Kiểm tra cuối kì 1** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| 18 | **Bài 14.** Bắc Trung Bộ | 3 | - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ.- Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ.- Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ.- Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ.- Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Bắc Trung Bộ.- Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. |  |
| 19 | **Bài 15.** Duyên hải Nam Trung Bộ | 2 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ.- Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính.- Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.- Phân tích được những chuyển biến trong sự chuyển biến và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ.- Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ.- Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. |  |
| 20 | **Bài 16.** Thực hành: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. | 1 | Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận. |  |
| 21 | **Bài 17.** Vùng Tây Nguyên | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.- Trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.- Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên.- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên.- Trình bày được các vấn đề về môi trường trong phát triển. |  |
| 22 | **Bài 18.** Vùng Đông Nam Bộ | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.- Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.- Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá của vùng Đông Nam Bộ.- Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.- Trình bày được ý nghĩa về việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.- Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. |  |
| 23 | **Bài 19.** Thực hành: Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 1 | Tìm kiếm thông tin; viết báo cáo ngắn về sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |  |
| 24 | **Bài 20.** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 2 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.- Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.- Phân tích được đặc điểm về dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.- Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.- Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| 25 | **Ôn tập** | 1 |  Hệ thống lại kiến thức đã học trong chương trình. Rèn luyện lại các kĩ năng | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| 26 | **Kiểm tra giữa kì 2** | 1 |  - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài |  |
| 27 | **Bài 21.** Thực hành: Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long | 1 | Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |  |
| 28 | **Bài 22.** Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo | 2 | - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có huyện đảo đó.- Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.- Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |  |
| 29 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học trong học kì ; Rèn luyện lại các kĩ năng |  |
| 30 | **Kiểm tra cuối kì 2** | 1 | - Đánh giá được kiến thức, năng lực và phẩm chất của HS trong HKII- Rèn phẩm chất trung thực khi làm bài | ***Ghép chung với 1 tiết của phân môn Lịch sử*** |
| **CHỦ ĐỀ CHUNG** |
| 31 | **Chủ đề 1**. Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 1 | - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.- Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp.- Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. |  |
| 32 | **Chủ đề 2.** Văn minh châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long | 2 | - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.- Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.- Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó đối với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. |  |

**III. Các nội dung khác** (nếu có):

**IV. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| **Lịch sử** | **Địa lí** |
| Giữa Học kỳ 1*(70% Địa lí, 30% Lịch sử)* | 60 phút | Tuần .. | Đáp ứng yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 5 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 10 | Viết/Máy tính |
| Cuối Học kỳ 1*(70% Địa lí, 30% Lịch sử)* | 60 phút | Tuần … | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 12 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 1 đến hết bài 13 | Viết/Máy tính |
| Giữa Học kỳ 2*(30% Địa lí, 70% Lịch sử)* | 60 phút | Tuần … | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 13 đến hết bài 17 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 14 đến hết bài 20 | Viết/Máy tính |
| Cuối Học kỳ 2*(30% Địa lí, 70% Lịch sử)* | 60 phút | Tuần … | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 13 đến Bài 22 | Đáp ứng các yêu cầu cần đạt từ bài 14 đến hết Chủ đề chung 2. | Viết/Máy tính |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 9**

**(Năm học: 2024 - 2025)** - **Bộ Kết nối tri thức**

**1. Phân phối chương trình**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CÁC BÀI HỌC GDCD 9**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết | Bài dạy/chủ đề |
| **HỌC KỲ I** ( 18 tuần x 1 tiết/1 tuần = 18 tiết ) |
| Tiết 1 2 3  | Bài 1: Sống có lí tưởng |
| Tiết 4 5  | Bài 2: Khoan dung |
| Tiết 6 7 8 | Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng |
| Tiết 9  | Kiểm tra giữa kỳ 1 |
| Tiết 10,11  | Bài 4: Khách quan và công bằng |
| Tiết 12 13 14 | Bài 5: Bảo vệ hoà bình |
| Tiết 15 16 17  | Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả |
| Tiết 18  | Kiểm tra cuối kỳ 1 |
|  | **HỌC KỲ II**( 17 tuần x 1 tiết/1 tuần = 17 tiết ) |
| Tiết 19 20 21 22 | Bài 7: Thích ứng với thay đổi |
| Tiết 23 24 25  | Bài 8: Tiêu dùng thông minh |
| Tiết 26  | Kiểm tra giữa kỳ 2 |
| Tiết 27 28 29 30  | Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí |
| Tiết 31 32 33 34  | Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế  |
| Tiết 35  | Kiểm tra cuối kỳ 2 |

**Kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện chương trình khối lớp 9 năm học 2024 - 2025**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1****\\** | Bài 1: Sống có lí tưởng | 3 | **1. Kiến thức** - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lý tưởng.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân.- Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. **3. Phẩm chất** Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khoẻ, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc. **4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: Các quyền về chính trị, dân sự để lấy ví dụ minh họa đồng thời giúp học sinh hiểu được quyền con người là phổ cập chung cho toàn nhân loại, nó không phụ thuộc vào biên giới quốc gia, chủ quyền dân tộc; khẳng định thành quả đấu tranh của nhân loại chống áp bức bóc lột và bất công xã hội, chống lại tư tưởng kì thị dân tộc, giới tính, thành phần, nguồn gốc và địa vị xã hội; Những hành vi bảo vệ quyền con người đó chính là thể hiện lí tưởng sống cao đẹp và ý nghĩa của lí tưởng sống đó đối với cá nhân, gia đình và xã hội. |
| **2** | Bài 2: Khoan dung | 2 | **1. Kiến thức** - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung.- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. **3. Phẩm chất** - Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống.- Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn.**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người như; Quyền được đối xử bình đẳng để lấy các ví dụ giúp học sinh hiểu được việc thực hiện quyền không bị bắt làm nô lệ và nô dịch; Quyền không bị tra tấn, nhục hình, bị đổi xử hoặc chịu hình phạt tàn nhẫn vô nhân đạo; Quyền không phân biệt đối xử |
| **3** | Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | 3 | **1. Kiến thức** - Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng - Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. **2. Năng lực** - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng.- Năng lực điều chỉnh hành vì và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. **3. Phẩm chất** - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.- Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng.**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp liên hệ với yêu cầu cần đạt sau: Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ nội dung của quyền con người yêu cầu học sinh lấy các ví dụ để làm nổi bật ý nghĩa của việc tham các hoạt động cộng đồng để giúp đỡ các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, qua đó khẳng định thực hiện quyền con người trong một số hoạt động tình nguyện, thiện nguyện; hoạt động giúp đỡ những cuộc đời cơ nhỡ, trẻ mồ côi |
| **4** | Bài 4: Khách quan và công bằng | 2 |  **1. Kiến thức** - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng.- Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế; **3. Phẩm chất** - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống.- Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên lấy tình huống trong thực tiễn để làm rõ nội dung quyền con người sau: quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật… giúo HS thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày và phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. |
| **5** | Bài 5: Bảo vệ hoà bình | 3 | **1. Kiến thức** - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. **3. Phẩm chất** - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình.- Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi.- Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình.**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để làm rõ việc tôn trọng quyền bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, quyền bình đảng giữa các dân tộc, tôn giáo. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội, Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô môi trường, xung đột vũ trang |
| **6** | Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả | 3 | **1. Kiến thức** - Hiểu được thế nào là quản lí thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lí thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lí thời gian hiệu quả. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lí thời gian hiệu quả.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lí thời gian hiệu quả - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lí thời gian hiệu quả - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lí thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lí thời gian cá nhân- Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lí. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân. **3. Phẩm chất** - Có trách nhiệm trong việc quản lí thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống.- Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi- Có trách nhiệm trong việc xác định quản lí thời gian cá nhân |
| **7** | Bài 7: Thích ứng với thay đổi | 4 | **1. Kiến thức** - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. - Nêu được các biện phẩp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi.- Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn.+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổiNăng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân. **3. Phẩm chất** Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống. Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để thiết kế các hoạt động tích hợp với các quyền con người nhằm giúp học sinh có cơ hội thể nghiệm, thử đưa ra cách xử lý hoạt động đó để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. |
| **8** | Bài 8: Tiêu dùng thông minh | 3 | **1. Kiến thức** - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh.- Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. **3. Phẩm chất** - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.- Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh.**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Đánh giá được các hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người để giúp học sinh lấy các ví dụ về tiêu dùngthông minh trong việc bảo đảm các quyền cơ bản của con người; hành vi tiêu dùng kém thông minh làm ảnh hưởng đến quyền của người tiêu dùng. |
| **9** | Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí | 4 | **1. Kiến thức** - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.- Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn.- Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. **3. Phẩm chất** - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật.- Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khoẻ của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật**4. Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể **- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền được sống, quyền sở hữu (trộm cắp tài sản, hủy hoại tài sản)… để học sinh nắm được quyền của mình trong quá trình tố tụng |
| **10** | Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế | 4 | **1. Kiến thức** - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. **2. Năng lực** - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế..- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.- Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân.- Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Năng lực tìm hiểu và thẩm gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. **3. Phẩm chất** - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi- Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.**4) Tích hợp quyền con người****- Mức độ tích hợp:** Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.**- Cách thức thực hiện:** Giáo viên căn cứ vào nội dung quyền con người như: quyền tự do kinh doanh, quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc giáo viên yêu cầu học sinh lấy các tình huống để giúp học sinh hiểu được mối quan hệ giữa thực hiện các quyền trên lĩnh vực kinh tế với quyền con người. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt**  | **Hình thức**  |
| **Kiểm tra giữa kỳ 1** | **45 phút** | **Tuần 9** | **1. Kiến thức**- Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.**2. Về năng lực**- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.- Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp vớilứa tuổi- Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập**3. Về phẩm chất:**- Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp- Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả** |
| **Kiểm tra cuối kỳ 1** | **45 phút** | **Tuần 18** | **1. Kiến thức**- Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.**2. Năng lực**- Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.- Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.- Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi- Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập**c. Về phẩm chất:**- Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp- Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả** |
| **Kiểm tra giữa kỳ 2** | **45 phút** | **Tuần 26** | **1. Kiến thức**- Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.**2. Năng lực**- Năng lực chung:+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.- Năng lực đặc thù:+ Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp vớilứa tuổi+Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập**3. Về phẩm chất:**Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợpTrách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra | **Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả** |
| **Kiểm tra cuối kỳ 2** | **45 phút** | **Tuần 35** | **1. Kiến thức**- Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.**2. Về phẩm chất:**Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợpTrách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra**3. Năng lực**- Năng lực chung:+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.- Năng lực đặc thù:+ Năng lực điều chỉnh hành: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp vớilứa tuổi+Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho qua trình học tập | **Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả** |

**\* CÁC NỘI DUNG KHÁC(NẾU CÓ):**

 - Số tiết dự giờ

 - Số lần kiểm tra HS : 2 lần /HK

 - Chuẩn bị nguồn đội tuyển : 5 HS /môn

 - Phụ đạo HS yếu : 2 tiết/ giáo viên/ tuần

 - Số cột điểm : 2 cột miệng, 2 cột 15 phút, 1 cột kt giữa kỳ, 1cột kt cuối kỳ/ HK.

 - Kiểm tra 15 phút : Gv kiểm tra linh hoạt trên lớp

 - Sử dụng giáo án điện tử : khuyến khích ít nhất 50-70% giáo viên lên lớp sử dụng giáo án điện tử.

 - Ngoại khóa : 1 lần/HK

 - Chất lượng bộ môn 7 : 90% tb trở lên.

-Đầu năm dự kiến chuyên môn.

-Họp tổ chuyên môn thống nhất qui định các loại hồ sơ sổ sách, qui định về dự giờ GV, phân công triển khai chuyên đề hàng tháng theo qui định của cấp trên

-Tham gia các cuộc thi:(KHKT…)

-Tham gia tập huấn các chuyên đề

-Kiểm tra việc dạy học của GV

-Kiểm tra HSSS:2 lần/HK.

-Chất lượng các môn đều đat.>90%

|  |  |
| --- | --- |
|  **TỔ TRƯỞNG** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  *Hòa Quang Nam, ngày 28 tháng 8 năm 2024***HIỆU TRƯỞNG** *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 Đặng Văn Lời Phan Thị Kim Ly

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho từng môn [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-5)
6. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-6)
7. [↑](#footnote-ref-7)